TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 04/2021/DS-ST**.**
Ngày**:** 26-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST–DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng – vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST – DS ngày 20/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-DS ngày 10/12/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* **Ngân hàng A**

Địa chỉ trụ sở chính: đường N, phường M, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ T – Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1992 (Có mặt), theo văn bản ủy quyền số 1135/UQ-QLN.20 ngày 16/11/2020.

Địa chỉ liên lạc: Lầu R, Tòa nhà A, đường C, phường T, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*:

1. Bà **Lê N**, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

2. Ông **Võ T**, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị **Võ Q**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

2. Anh **Võ Th**, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà **Quách B**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà T, ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn N trình bày:

Ngân hàng A chi nhánh S đã cấp tín dụng cho bà Lê N và ông Võ T số tiền 300.000.000 đồng theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số SOC.CN.243.221215 ngày 22/12/2015; Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.246.221215 ngày 25/12/2015 và khế ước nhận nợ số 208843929 ngày 25/12/2015. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay: 120 tháng từ ngày 25/12/2015 đến ngày 25/12/2025; phương thức cho vay: Từng lần; mục đích cho vay: Tiêu dùng – mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Số tiền thực tế giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 208810229 của bà Lê N tại ngân hàng A – chi nhánh S; Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả hàng kỳ 06 tháng một lần còn nợ lãi trả hàng kỳ 03 tháng một lần, trả vào ngày 25, mỗi kỳ trả gốc là 15.000.000đ. Lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, sau đó lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo mục 2.2.1 của khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, ông Võ T và bà Lê N chỉ mới trả cho ngân hàng A số tiền một kỳ vốn gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi đã trả 03 kỳ gồm ngày 04/4/2016, ngày 03/7/2016, ngày 05/10/2016 và sau đó không thanh toán vốn gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ của ông T và bà N sang nợ quá hạn từ ngày 15/8/2017.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Võ T và vợ là bà Lê N đã thế chấp các bất động sản dưới đây cho Ngân hàng A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOC.BĐCN.98.221215 ngày 25/12/2015, hợp đồng đã được công chứng ngày 25/12/2015 và đăng ký thế chấp ngày 25/12/2015. Cụ thể: Thửa đất số 329 tờ bản đồ số 6; Thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 6; do ông Võ T và bà Lê N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai thửa đất số 345, 346, tờ bản đồ số 6 do hộ ông Võ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Trên phần đất số 345 và 346 có căn nhà của gia đình vợ chồng ông T, thời điểm thế chấp thì con gái ông T, bà N là Võ Q cũng đã cam kết ký thế chấp toàn bộ tài sản.

Nay ngân hàng A yêu cầu ông Võ T và bà Lê N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử 26/01/2021 là

482.926.563 đồng, trong đó vốn gốc là 285.000.000 đồng và tiền lãi là 197.926.563 đồng. Kể từ ngày 27/01/2021 ông T, bà N còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Trường hợp ông T và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng A.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Võ T, bà Lê N, vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông T, bà N được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T, bà N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách B trình bày tại phiên tòa:* Ngày 25/8/2015 vợ chồng bà N và ông T có cố đất cho bà hai thửa đất số 329 và thửa 1016. Sự việc của bà đã được TAND thị xã Ngã Năm xét xử tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DSST ngày 29/9/2017 đã có hiệu lực pháp luật. Bà cũng đã có yêu cầu thi hành án, yêu cầu bà N, ông T trả tiền cho bà 100 triệu đồng thì bà trả lại hai thửa đất này cho vợ chồng bà N. Trong vụ việc này bà không có yêu cầu gì hết.

4/ Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông T, bà N, chị Q và anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa cũng không có yêu cầu xử vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc vợ chồng bà N, ông T trả cho ngân hàng A số tiền vốn gốc là 285.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử là 197.926.563 đồng. Kể từ ngày 27/01/2021 ông T, bà N còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Trường hợp ông T và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ T, bà Lê N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Q, anh Võ Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đại diện nguyên đơn ông N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N, chị Q và anh Th nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với những người vừa nêu.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A thấy rằng: Theo Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.246.221215 ngày 25/12/2015 và khế ước nhận nợ số 208843929 ngày 25/12/2015 thể hiện ông Võ T và bà Lê N có vay của Ngân hàng A số tiền 300.000.000 đồng. Thỏa thuận hợp đồng như sau: thời hạn cho vay: 120 tháng từ ngày 25/12/2015 đến ngày 25/12/2025; phương thức cho vay: Từng lần; mục đích cho vay: Tiêu dùng – mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Số tiền thực tế giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 208810229 của bà Lê N tại Ngân hàng A – chi nhánh S; Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả hàng kỳ 06 tháng một lần còn nợ lãi trả hàng kỳ 03 tháng một lần, trả vào ngày 25, mỗi kỳ trả gốc là 15.000.000đ. Lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, sau đó lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo mục 2.2.1 của khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền vốn 01 kỳ 15.000.000 đồng vào ngày 13/7/2016 và tiền lãi đã trả 03 kỳ gồm ngày 04/4/2016, ngày 03/7/2016, ngày 05/10/2016 và sau đó không thanh toán vốn gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ của ông T và bà N sang nợ quá hạn từ ngày 15/8/2017. Cho nên ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 3 của các hợp đồng tín dụng và mục 2.3 khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Võ T và bà Lê N thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu này của Ngân hàng A được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền ông Võ T và bà Lê N còn phải thanh toán cho Ngân hàng A tính đến ngày 26/01/2021 (ngày xét xử) tổng cộng là 482.926.563 đồng, trong đó vốn gốc là 285.000.000 đồng và tiền lãi là 197.926.563 đồng. Kể từ ngày 27/01/2021 ông T, bà N còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng.

[3] Xét về tài sản thế chấp: Thửa đất số 329 tờ bản đồ số 6; Thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 6; do ông Võ T và bà Lê N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai thửa đất số 345, 346, tờ bản đồ số 6 do hộ ông Võ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số SOC.BDDCN.98.221215 ngày 25/12/2015; hợp đồng ủy quyền lập ngày 25/12/2015 và cam kết thế chấp lập ngày 25/12/2015 thì ông T, bà N và chị Q đã

đồng ý thế chấp toàn bộ các thửa đất nêu trên đồng thời thế chấp luôn căn nhà trên thửa đất số 345, 346 tờ bản đồ số 6 do hộ ông Võ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay cho ông T, bà N. Việc thế chấp này có công chứng và đăng ký thế chấp hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013. Nay Ngân hàng A yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông T, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của bà Quách B: Hai thửa đất số 329 và 1016 hiện nay bà Quách B đang canh tác vì giữa vợ chồng ông T, bà N và bà B có phát sinh hợp đồng cầm cố QSD đất. Tuy nhiên, hợp đồng cầm cố QSD đất giữa bà B và vợ chồng ông T, bà N cũng đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2017/DSST ngày 29/9/2017 của TAND thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã có hiệu lực pháp luật, bà B cũng đã có đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án này. Do đó, HĐXX không xem xét lại đối với việc cầm cố QSD đất giữa bà B và vợ chồng ông T, bà N.

[5] Chi phí thẩm định – định giá: 700.000 đồng, ông T và bà N phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do số tiền này ngân hàng A đã tạm ứng trước nên ông T và bà N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ngân hàng A số tiền 700.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ T và bà Lê N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ của Ngân hàng A được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 482.926.563 đồng x 5% = 23.317.000 đồng (làm tròn). Ngân hàng A không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các Điều 299, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Võ T, bà Lê N trả tiền vay.

Buộc ông Võ T, bà Lê N trả cho Ngân hàng A số tiền vốn gốc 285.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/01/2021 (ngày xét xử) 197.926.563 đồng. Tổng cộng là 482.926.563 đồng (*Bốn trăm tám mươi hai triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 27/01/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo hợp đồng tín dụng số SOC.CN.246.221215 ngày 25/12/2015 và khế ước nhận nợ số 208843929 ngày 25/12/2015.

[2] Trường hợp ông Võ T và bà Lê N không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản tại hợp đồng thế chấp QSD đất số SOC.BDDCN.98.221215 ngày 25/12/2015 và cam kết thế chấp lập ngày 25/12/2015 để thu hồi nợ, cụ thể:

[2.1] Quyền sử dụng thửa đất số 329 tờ bản đồ số 6; loại đất: đất chuyên trồng lúa nước; Quyền sử dụng thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 6; loại đất: Trồng cây lâu năm cùng do UBDN huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm) cấp cho ông Võ T và bà Lê N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2014; đất cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng.

[2.2] Quyền sử dụng các thửa đất số 345, 346 cùng tờ bản đồ số 6 UBDN huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm) cấp hộ ông Võ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/2004; đất cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Và tài sản trên đất gồm Nhà chính kết cấu tường xây 10, cột bê tông + cột gỗ; đòn tay gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, nền lát gạch bông, vách tol; Nhà sau kết cấu vách lá, đoàn tay gỗ, mái lợp lá, nền lát gạch tàu, cột gỗ địa phương; Nhà bếp kết cấu cột gỗ địa phương, mái lợp lá, đòn tay gỗ, vách lá, nền đất; chuồng heo kết cấu xây tường lững, nền xi măng, không có mái che; nhà để củi gồm vách la, mái lá, gỗ địa phương (hiện đã hư hỏng); chuồng gà kết cấu vách lá, mái lợp lá, gỗ địa phương (hiện hư hỏng).

[3] Chi phí thẩm định – định giá: 700.000 đồng, ông T và bà N phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do số tiền này ngân hàng A đã tạm ứng trước nên ông T và bà N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ngân hàng A số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ T, bà Lê N chịu án phí là 23.317.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, ba trăm mười bảy nghìn đồng*). Ngân hàng A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 10.600.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003425 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng